TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 6 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Phương.

2. Ông Hồ Sỹ Định.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Xuân Cầm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trần Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T1, xã L1, huyện P1, tỉnh T1, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần L, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T1, xã L1, huyện P1, tỉnh T1. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 16/3/2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần L có tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau. Hai người có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện P1 vào ngày 11/02/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Trần L không quan tâm chăm sóc vợ con, gia đình, không lo làm ăn, hay chơi đánh bạc. Chị H đã khuyên can nhưng anh L không thay đổi nên vợ chồng không còn hạnh phúc, không có cuộc sống chung và đã sống ly thân từ tháng 5 /2020 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần L.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con là cháu Trần Ngọc An N1, sinh ngày 20/8/2019 và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 20 tháng 5 năm 2022, bị đơn là anh Trần L trình bày: Về việc kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn như chị Phạm Thị H trình bày. Anh L đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H và đồng ý giao con chung là cháu Trần Ngọc An N1, sinh ngày 20/8/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đang đi làm ăn xa nên anh L xin xét xử vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Bị đơn nhiều lần vắng mặt tại phiên hòa giải, phiên tòa nên ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí xử buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa Trần L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Trần L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, hai người sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay không còn tình cảm vợ chồng nên chị H yêu cầu ly hôn, anh L cũng đồng ý.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.2] Về việc nuôi con chung:

Chị H và anh L có 01 người con chung là cháu Trần Ngọc An N1, sinh ngày 20/8/2019. Xét thấy cháu N1 còn nhỏ, hiện đang sống cùng với chị H, anh L đồng ý giao cháu N1 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần L.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao người con chung Trần Ngọc An N1, sinh ngày 20/8/2019 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu An N1 đủ 18 tuổi.

Anh Trần L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002425 ngày 16/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã Lộc Điền, huyện Phú Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Xuân Huế

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**